

Số: *HLG* /BC- ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày *06* tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Kết quả khảo sát tổng quát đối với sinh viên đại học chính quy tập trung năm học 2019 - 2020**

Thực hiện kế hoạch số 659 ngày 08/10/2019 của Trường đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy và nhà trường năm học 2019 – 2020. Kết quả khảo sát đối với sinh viên Đại học chính quy đang học tại trường như sau:

**1. Kết quả suy tôn giảng viên**

Thực hiện Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và Nhà trường năm học 2019 -2020 đối với giảng viên đăng ký chiến sĩ thi đua, giảng viên dạy giỏi trong năm học và giảng viên có kết quả đánh giá từ người học trong năm học 2018-2019 bị tỷ lệ không đạt trên 10%. Năm học 2019-2020, Nhà trường tiến hành lấy phiếu suy tôn từ người học với 29 giảng viên và giảng viên kiêm chức (Mỗi giảng viên được thực hiện lấy phiếu qua 2 lớp tín chỉ trong năm học. Với tổng số phiếu là 1504 phiếu, bao gồm sinh viên các khóa K5,6,7 và được đánh giá trên 7 nội dung sau: (Nội dung và phương pháp giảng dạy; Học liệu và phương tiện hỗ trợ giảng dạy; Trách nhiệm và sự nhiệt tình của giảng viên đối với người học; Khả năng của giảng viên trong việc khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của người học trong quá trình học tập; Sự công bằng của giảng viên trong kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá kết quả học tập của sinh viên; Năng lực của giảng viên trong tư vấn tổ chức, hướng dẫn hoạt động của người học; Tác phong sư phạm của giảng viên). Các tiêu chí đều được đánh giá theo 4 mức độ (tốt, khá, đạt và không đạt), kết quả như sau:

- Các tiêu chí đạt mức khá, tốt từ 70% trở lên có 28/29 người, chiếm 96,55%; trong đó tỷ lệ tốt, khá, đạt từ 95% trở lên chỉ chiếm 41,38%;

- Các tiêu chí đạt mức trung bình và không đạt (nghĩa là bình quân tỷ lệ tốt, khá của các tiêu chí nhỏ hơn 70%) có 1/29 người, chiếm 3,4%.

Trong đó tiêu chí (trách nhiệm, sự nhiệt tình của giảng viên và tác phong sư phạm của giảng viên) được đánh giá cao nhất, các tiêu chí còn lại xấp xỉ nhau.

- Một số góp ý của sinh viên đối với Giảng viên: Qua công tác tổ chức lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và Nhà trường năm học 2019-2020, được sinh viên cho ý kiến đóng góp như sau: Về cơ bản sinh viên đánh giá nhận xét Thầy/cô nhiệt tình, có trách nhiệm, giảng bài dễ hiểu, tâm lý. Bên cạnh đó cũng có ý kiến về Thầy/Cô dạy nhanh sinh viên không theo kịp; Thầy/Cô nói hơi bé,...

**2. Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung K4 tốt nghiệp**

Thực hiện Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về Nhà trường năm học 2019 – 2020. Nhóm công tác đã phát phiếu khảo sát đối với 226/368 sinh viên tốt nghiệp K4 đại học chính quy tập trung (đạt 61,41%). Nội dung khảo sát theo 8 tiêu chí (Công tác tuyển sinh của nhà trường; giáo trình tài liệu cơ sở vật chất; đội ngũ giảng viên; chương trình đào tạo; công tác kiểm tra đánh giá; công tác cố vấn học tập; công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học, các hoạt động phong trào; và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên). Các tiêu chí đều được đánh giá theo 5 mức độ (rất tốt, tốt, bình thường, kém, rất kém), kết quả như sau:

- Các tiêu chí đều đạt mức tốt, rất tốt chiếm hơn 70%.
- Các tiêu chí đạt mức bình thường chiếm từ 11% - 25%.
- Các tiêu chí đạt mức kém, rất kém chiếm dưới 5%.
- Góp ý của sinh viên đối với Nhà trường:
  - + Thêm các khóa tiếng Anh cho từng ngành.
  - + Hoạt động tập thể được nâng cao hơn nữa như thể dục thể thao.
  - + Kiến thức thực tế cần được triển khai nhiều hơn nữa. Học thực tế sẽ dễ chịu và thoải mái hơn nhiều là chỉ lý thuyết.
  - + Thiết bị giảng dạy hiện đại hơn nữa.
  - + Mong muốn Nhà trường tổ chức cho sinh viên được thực hành nhiều hơn trong quá trình học tập.
  - + Nhà trường trả tiền học bổng muộn.

### **3. Kết quả khảo sát sinh viên đại học chính quy tập trung đang học tại trường**

Thực hiện Kế hoạch tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về Nhà trường năm học 2019 – 2020. Nhóm công tác đã tiến hành khảo sát trên phần mềm đối với toàn bộ sinh viên đại học chính quy tập trung đang học tập tại trường, kết quả thu được 1294/1525 (đạt 84,85%). Nội dung khảo sát theo 8 tiêu chí (Công tác tuyển sinh của nhà trường; giáo trình tài liệu cơ sở vật chất; đội ngũ giảng viên; chương trình đào tạo; công tác kiểm tra đánh giá; công tác cố vấn học tập; công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học, các hoạt động phong trào; và hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên). Các tiêu chí đều được đánh giá theo 5 mức độ (rất tốt, tốt, bình thường, kém, rất kém), kết quả như sau:

- Các tiêu chí đều đạt mức tốt, rất tốt chiếm từ 65% - 70%.
- Các tiêu chí đạt mức bình thường chiếm từ 25% - 30%.
- Các tiêu chí đạt mức kém, rất kém chiếm dưới 5%.

### **4. Phương hướng khắc phục trong năm học tới**

*\* Về phía Nhà trường*

- Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy hiện đại hơn.
- Tổ chức cho sinh viên được thực hành nhiều hơn trong quá trình học tập.
- Nâng cấp thư viện trường, thêm nhiều đầu sách hơn, giáo trình đa dạng, phong phú.
- Tăng cường tổ chức các lớp học nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.
- Chú trọng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho sinh viên.

- Hoạt động tập thể như thể dục thể thao, câu lạc bộ cần được đẩy mạnh, nâng cao.

*\* Về phía giảng viên*

- Tăng cường trau dồi kiến thức, học tập nâng cao trình độ hơn.
- Tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy, bài giảng gắn liền với thực tiễn hơn.
- Trong quá trình giảng dạy nhiệt tình, tận tâm truyền tải kiến thức thực tế, bổ ích tới sinh viên nhằm tạo sự hứng khởi, niềm say mê giúp sinh viên đạt được kết quả cao trong học tập hơn nữa.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy và Nhà trường năm học 2019-2020, cũng như phương hướng hành động trong năm học tới./.

**Nơi nhận:**

- BGH;
- Các đơn vị;
- Website;
- Lưu: VT; KT&QLCL.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG KT&QLCL**



**TS. Đỗ Thị Minh Nhâm**



**Phụ lục I**

**KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN K4- ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG TỐT NGHIỆP NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số: 416./BC-ĐHTCQTKD ngày.. 06...tháng 8 năm 2020 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

TT	Nội dung khảo sát	% Rất kém	% Kém	% Bình thường	% Tốt	% Rất tốt
<b>Công tác tuyển sinh</b>						
1	Hoạt động tư vấn tuyển sinh phong phú đa dạng và có hiệu quả	0,88	1,33	20,35	38,94	38,50
2	Kết quả tuyển sinh được công bố chính xác, kịp thời qua nhiều kênh thông tin	0,44	1,78	11,56	43,56	42,67
3	Thủ tục nhập học thuận tiện, được hướng dẫn cụ thể	0,44	1,75	11,35	38,86	47,60
4	Mức lệ phí phù hợp	0,88	0,88	14,16	39,38	44,69
<b>Giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất</b>						
1	Việc sắp xếp thời khóa biểu thuận lợi cho SV	0,48	1,45	15,94	38,65	43,48
2	Khuôn viên Nhà trường sạch sẽ đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.	0,44	1,33	15,93	37,61	44,69
3	Phòng học đủ chỗ ngồi, đảm bảo điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, thoáng mát.	0,44	0,89	17,78	35,56	45,33
4	Trang thiết bị phòng học được trang bị đầy đủ, hiện đại, hoạt động tốt	0,44	2,67	22,22	34,22	40,44
5	Mức độ đáp ứng học tập của các phòng máy thực hành và hệ thống mạng.	0,89	0,45	24,11	37,95	36,61
6	Thư viện đáp ứng đầy đủ về học liệu, được tạo điều kiện trong việc truy cập thông tin học tập	0,88	3,08	25,55	32,16	38,33
7	Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV.	0,44	0,44	24,89	34,50	39,74
8	Thời gian mượn sách và trả sách, tài liệu phù hợp	0,44	1,77	25,66	31,86	40,27
9	Phòng máy tính, phòng thực hành đảm bảo đầy đủ điều kiện và trang thiết bị	0,45	0,90	22,42	38,12	38,12
10	Thông tin được cập nhật đầy đủ, thường xuyên trên website Nhà trường, truy cập TT dễ dàng	0,90	0,00	19,46	39,37	40,27
11	Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an	0,45	0,00	20,91	36,82	41,82

11	Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an ninh, hoạt động học tập thể thao	0,45	0,00	20,91	36,82	41,82
12	Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên toàn trường	0,45	1,36	23,64	35,45	39,09
<b>Đội ngũ giảng viên</b>						
1	Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập	0,46	0,46	16,06	36,70	46,33
2	Sử dụng công nghệ kết hợp phương pháp giảng dạy phù hợp	0,46	0,46	14,75	38,71	45,62
3	Giảng viên thân thiện, có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy	0,45	0,00	15,45	35,91	48,18
4	Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ SV, chia sẻ kinh nghiệm với SV	0,46	0,91	12,33	35,16	51,14
5	SV được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch kiểm tra đánh giá học phần.	0,46	0,46	13,30	36,70	49,08
<b>Chương trình đào tạo (CTĐT)</b>						
1	CTĐT có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng. Được thông báo đầy đủ cho SV	0,93	0,47	11,63	36,28	50,70
2	CTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV sau này.	0,92	0,92	13,36	34,56	50,23
3	CTĐT cập nhật thường xuyên	0,92	0,92	12,44	35,02	50,69
4	Các môn học trong CTĐT được sắp xếp khoa học, hợp lý và công bố công khai trong toàn trường	0,93	0,46	11,57	35,19	51,85
5	Môi trường học tập, CTĐT của Nhà trường đáp ứng được mong đợi của Sv, giúp SV tự tin tìm việc sau khi ra trường.	1,39	0,46	15,28	35,19	47,69
<b>Công tác kiểm tra đánh giá</b>						
1	Lịch thi, công tác kiểm tra đánh giá học phần được công bố rộng rãi và thực hiện đúng quy định	1,39	0,46	11,57	36,11	50,46
2	Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan	0,92	1,38	11,98	30,88	54,84
3	Đề thi kết thúc học phần bám sát chương trình đã học	0,93	0,46	13,89	36,57	48,15
4	Kết quả thi đảm bảo tính công bằng, khách quan và công bố công khai	0,93	0,00	14,81	33,33	50,93
5	Công tác phúc khảo, khiếu nại kết quả thi, kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng	0,95	0,48	18,10	31,90	48,57

	quy định					
6	Công tác phúc khảo và kiểm tra đánh giá kết quả học tập được giải đáp hợp lý.	0,93	1,39	16,20	33,33	48,15
<b>Công tác Cố vấn học tập (CVHT)</b>						
1	CVHT nhiệt tình, quan tâm tới lớp, thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp	0,45	0,45	17,57	37,39	44,14
2	CVHT có phổ biến kịp thời, đầy đủ các văn bản, kế hoạch của Nhà trường	0,45	0,00	19,28	36,77	43,50
3	CVHT có thường xuyên tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp cho SV	0,44	0,44	16,89	36,89	45,33
4	CVHT có thường xuyên khuyến khích SV tham gia các phong trào của Nhà trường	0,45	0,89	15,63	33,48	49,55
<b>Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào</b>						
1	Có nhiều hoạt động hướng về người học, đảm bảo người học được tạo điều kiện tham gia	1,33	3,11	16,44	37,78	41,33
2	Các hoạt động giao lưu học tập phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên	0,45	2,70	16,67	37,39	42,79
3	SV được tư vấn hỗ trợ trong suốt quá trình học tập tại trường	0,44	1,78	17,78	37,78	42,22
4	SV được đối thoại với lãnh đạo Nhà trường/Khoa và được giải quyết thỏa đáng	0,90	2,70	15,77	40,09	40,54
5	Nhân viên các đơn vị phòng ban chức năng có thái độ tôn trọng, giúp đỡ sinh viên	0,45	2,68	14,73	34,38	47,77
6	Các hoạt động VH, TDTT được tổ chức thường xuyên và đáp ứng nhu cầu của SV	0,45	0,90	19,28	34,08	45,29
7	Hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp hỗ trợ tốt cho SV	0,45	1,35	19,28	29,15	49,78
8	Sự hài lòng của SV đối với hoạt động của Đoàn thanh niên và tình nguyện.	0,45	1,80	15,77	35,14	46,85
<b>Hoạt động NCKH sinh viên</b>						
1	NCKH SV là rất quan trọng và cần thiết	0,45	0,00	17,94	38,12	43,50
2	Thông tin NCKH sinh viên được phổ biến đầy đủ, cập nhật kịp thời tới SV toàn trường (trực tiếp đến các lớp, trên website của Trường)	0,45	0,00	17,12	36,94	45,50
3	Nhà trường, các thầy /cô rất quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận làm nghiên cứu	0,45	0,90	16,22	36,04	46,40

4	Hội nghị KHSV hàng năm được tổ chức chu đáo, trang trọng, biểu dương và tôn vinh những SV có thành tích cao trong nghiên cứu	0,89	0,89	15,18	37,05	45,98
5	Kết quả NC (đề tài) có chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao, sáng tạo	0,45	0,45	15,00	35,91	48,18
6	Kinh phí cho nghiên cứu đủ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu	0,45	1,80	16,67	33,78	47,30
7	Giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu phục vụ giảng dạy (tài sản trí tuệ) được xuất bản cung cấp kịp thời cho học tập và nghiên cứu	0,89	1,34	13,39	36,16	48,21



## Phụ lục II

# KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẬP TRUNG ĐANG HỌC TẠI TRƯỜNG

(Kèm theo Báo cáo số 416./BC-ĐHTCQTKD ngày 06..tháng 8 năm 2020 của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh)

Nhóm câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Tỷ lệ (%)	Total
<b>Chương trình đào tạo (CTĐT)</b>	1. CTĐT có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng. Được thông báo đầy đủ cho sinh viên.	1. Rất kém	1.08	14
		2. Kém	2.86	37
		3. Bình thường	27.41	355
		4. Tốt	36.91	478
		5. Rất tốt	31.74	411
	2. CTĐT đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của SV sau này.	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	2.55	33
		3. Bình thường	27.03	350
		4. Tốt	38.76	502
		5. Rất tốt	30.66	397
	3. CTĐT được cập nhật thường xuyên	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	1.70	22
		3. Bình thường	28.19	365
		4. Tốt	36.68	475
		5. Rất tốt	32.43	420
	4. Các môn học trong CTĐT được sắp xếp khoa học, hợp lý và công bố công khai trong toàn trường.	1. Rất kém	1.39	18
		2. Kém	1.78	23
		3. Bình thường	28.34	367
		4. Tốt	38.15	494
		5. Rất tốt	30.35	393
5. Môi trường học tập, CTĐT của Nhà trường đáp ứng được mong đợi của sinh viên, giúp sinh viên tự tin tìm việc sau khi ra trường.	1. Rất kém	1.31	17	
	2. Kém	2.70	35	
	3. Bình thường	29.50	382	
	4. Tốt	35.91	465	
	5. Rất tốt	30.58	396	
<b>Công tác cố vấn học tập (CVHT)</b>	1. CVHT có nhiệt tình, quan tâm tới lớp, thường xuyên tổ chức sinh hoạt lớp	1. Rất kém	1.31	17
		2. Kém	2.86	37
		3. Bình thường	25.56	331
		4. Tốt	37.22	482
		5. Rất tốt	33.05	428
	2. CVHT có phổ biến kịp thời, đầy đủ các văn bản, kế hoạch của Nhà trường đến lớp	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	2.16	28
		3. Bình thường	24.71	320
		4. Tốt	37.84	490

22



<b>Nhóm câu hỏi</b>	<b>Nội dung câu hỏi</b>	<b>Nội dung trả lời</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>	<b>Total</b>	
	3. CVHT có thường xuyên tư vấn học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp cho SV	5. Rất tốt	34.29	444	
		1. Rất kém	1.08	14	
		2. Kém	2.63	34	
		3. Bình thường	25.33	328	
		4. Tốt	38.15	494	
	4. CVHT có thường xuyên khuyến khích SV tham gia các phong trào của Nhà trường.	5. Rất tốt	32.82	425	
		1. Rất kém	0.93	12	
		2. Kém	2.93	38	
		3. Bình thường	25.95	336	
		4. Tốt	37.61	487	
	<b>Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, hoạt động hỗ trợ người học và các hoạt động phong trào</b>	1. Có nhiều hoạt động hướng về người học, đảm bảo người học được tạo điều kiện tham gia.	5. Rất tốt	32.59	422
			1. Rất kém	1.08	14
			2. Kém	3.32	43
			3. Bình thường	26.56	344
4. Tốt			37.92	491	
2. Các hoạt động giao lưu học tập phát huy được khả năng sáng tạo của sinh viên		5. Rất tốt	31.12	403	
		1. Rất kém	1.08	14	
		2. Kém	2.63	34	
		3. Bình thường	27.26	353	
		4. Tốt	37.22	482	
3. Sinh viên được tư vấn hỗ trợ trong suốt quá trình học tập tại trường.		5. Rất tốt	31.81	412	
		1. Rất kém	1.24	16	
		2. Kém	2.63	34	
		3. Bình thường	27.34	354	
		4. Tốt	37.07	480	
4. Sinh viên được đối thoại với Lãnh đạo Nhà trường/ Khoa và được giải quyết thỏa đáng.		5. Rất tốt	31.74	411	
		1. Rất kém	1.54	20	
		2. Kém	3.09	40	
		3. Bình thường	27.10	351	
		4. Tốt	38.22	495	
5. Nhân viên các đơn vị phòng ban chức năng có thái độ tôn trọng, giúp đỡ sinh viên.		5. Rất tốt	30.04	389	
		1. Rất kém	1.85	24	
		2. Kém	2.16	28	
		3. Bình thường	27.49	356	
		4. Tốt	38.61	500	
6. Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên và đáp ứng nhu cầu của SV		5. Rất tốt	29.88	387	
		1. Rất kém	1.62	21	
		2. Kém	2.93	38	
		3. Bình thường	27.64	358	
		4. Tốt	37.30	483	
		5. Rất tốt	30.50	395	

Nhóm câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Tỷ lệ (%)	Total
	7. Hoạt động tư vấn học tập, hướng nghiệp hỗ trợ tốt cho SV.	1. Rất kém	0.93	12
		2. Kém	2.78	36
		3. Bình thường	26.25	340
		4. Tốt	38.76	502
		5. Rất tốt	31.27	405
	8. Sự hài lòng của SV đối với hoạt động của Đoàn thanh niên và tình nguyện.	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	2.39	31
		3. Bình thường	29.73	385
		4. Tốt	35.68	462
		5. Rất tốt	31.20	404
<b>Công tác kiểm tra đánh giá</b>	1. Lịch thi, công tác kiểm tra đánh giá học phần được công bố rộng rãi và thực hiện đúng qui định.	1. Rất kém	0.93	12
		2. Kém	2.24	29
		3. Bình thường	25.71	333
		4. Tốt	39.46	511
		5. Rất tốt	31.66	410
	2. Cán bộ coi thi nghiêm túc, khách quan.	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	1.70	22
		3. Bình thường	21.62	280
		4. Tốt	41.47	537
		5. Rất tốt	34.21	443
	3. Đề thi kết thúc học phần bám sát chương trình đã học.	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	2.39	31
		3. Bình thường	27.10	351
		4. Tốt	38.61	500
		5. Rất tốt	30.89	400
	4. Kết quả thi đảm bảo tính công bằng, khách quan và công bố công khai.	1. Rất kém	0.93	12
		2. Kém	2.55	33
		3. Bình thường	25.71	333
		4. Tốt	39.31	509
		5. Rất tốt	31.51	408
	5. Công tác phúc khảo, khiếu nại kết quả thi, kiểm tra đánh giá được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	2.78	36
		3. Bình thường	26.87	348
		4. Tốt	37.68	488
		5. Rất tốt	31.66	410
	6. Các khiếu nại về kiểm tra đánh giá kết quả học tập được giải đáp hợp lý	1. Rất kém	1.08	14
		2. Kém	2.78	36
		3. Bình thường	26.95	349
		4. Tốt	39.92	517
		5. Rất tốt	29.27	379
<b>Công tác tuyển</b>	1 Hoạt động tư vấn tuyển sinh	1. Rất kém	1.85	24

Nhóm câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Tỷ lệ (%)	Total
sinh	phong phú đa dạng và có hiệu quả	2. Kém	3.24	42
		3. Bình thường	27.95	362
		4. Tốt	35.68	462
		5. Rất tốt	31.27	405
	2. Kết quả tuyển sinh được công bố chính xác, kịp thời qua nhiều kênh thông tin.	1. Rất kém	1.47	19
		2. Kém	2.63	34
		3. Bình thường	27.72	359
		4. Tốt	36.99	479
		5. Rất tốt	31.20	404
	3. Thủ tục nhập học thuận tiện, được hướng dẫn cụ thể	1. Rất kém	1.24	16
		2. Kém	3.01	39
		3. Bình thường	26.10	338
		4. Tốt	39.31	509
		5. Rất tốt	30.35	393
	4. Mức lệ phí phù hợp	1. Rất kém	0.93	12
		2. Kém	3.17	41
		3. Bình thường	29.42	381
		4. Tốt	35.83	464
		5. Rất tốt	30.66	397
	Đội ngũ Giảng viên	1. Cung cấp đầy đủ thông tin môn học, tài liệu học tập.	1. Rất kém	1.00
2. Kém			2.08	27
3. Bình thường			24.56	318
4. Tốt			40.93	530
5. Rất tốt			31.43	407
2. Sử dụng công nghệ kết hợp phương pháp giảng dạy phù hợp		1. Rất kém	1.31	17
		2. Kém	1.78	23
		3. Bình thường	26.18	339
		4. Tốt	38.38	497
		5. Rất tốt	32.36	419
3. Giảng viên thân thiện, có trình độ cao về chuyên môn giảng dạy.		1. Rất kém	0.85	11
		2. Kém	2.16	28
		3. Bình thường	23.40	303
		4. Tốt	39.69	514
		5. Rất tốt	33.90	439
4. Giảng viên sẵn sàng giúp đỡ sinh viên, chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên		1. Rất kém	0.69	9
		2. Kém	1.62	21
		3. Bình thường	24.09	312
		4. Tốt	40.69	527
		5. Rất tốt	32.90	426
5. Sinh viên được thông báo đầy đủ kế hoạch giảng dạy, kế hoạch	1. Rất kém	1.16	15	
	2. Kém	2.32	30	

Nhóm câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Tỷ lệ (%)	Total
<b>Giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất</b>	kiểm tra đánh giá học phần.	3. Bình thường	25.56	331
		4. Tốt	39.54	512
		5. Rất tốt	31.43	407
	1. Việc sắp xếp thời khóa biểu thuận lợi cho sinh viên	1. Rất kém	2.01	26
		2. Kém	3.01	39
		3. Bình thường	26.80	347
		4. Tốt	38.84	503
		5. Rất tốt	29.34	380
	2. Thông tin được cập nhật đầy đủ, thường xuyên trên website Nhà trường. Truy cập thông tin dễ dàng.	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	3.71	48
		3. Bình thường	28.96	375
		4. Tốt	36.60	474
		5. Rất tốt	29.73	385
	3. Ký túc xá đáp ứng đầy đủ điều kiện về nơi ở, an ninh, hoạt động học tập, thể thao	1. Rất kém	1.31	17
		2. Kém	3.47	45
		3. Bình thường	30.35	393
		4. Tốt	35.29	457
		5. Rất tốt	29.58	383
	4. Nhà trường đảm bảo điều kiện tốt về chăm sóc sức khỏe cho sinh viên trong toàn trường.	1. Rất kém	1.39	18
		2. Kém	3.86	50
		3. Bình thường	30.73	398
		4. Tốt	34.13	442
		5. Rất tốt	29.88	387
	5. Khuôn viên Nhà trường sạch sẽ đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn.	1. Rất kém	1.24	16
		2. Kém	4.09	53
		3. Bình thường	29.65	384
		4. Tốt	35.44	459
5. Rất tốt		29.58	383	
6. Phòng học đủ chỗ ngồi, đảm bảo điều kiện về vệ sinh, ánh sáng, thoáng mát.	1. Rất kém	1.47	19	
	2. Kém	3.86	50	
	3. Bình thường	29.27	379	
	4. Tốt	35.75	463	
	5. Rất tốt	29.65	384	
7. Trang thiết bị trong phòng học được trang bị đầy đủ, hiện đại, hoạt động tốt.	1. Rất kém	1.78	23	
	2. Kém	5.33	69	
	3. Bình thường	31.66	410	
	4. Tốt	32.43	420	
	5. Rất tốt	28.80	373	
8. Mức độ đáp ứng học tập của các phòng máy thực hành và hệ thống mạng.	1. Rất kém	1.54	20	
	2. Kém	5.48	71	
	3. Bình thường	30.35	393	

Nhóm câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Tỷ lệ (%)	Total
		4. Tốt	34.44	446
		5. Rất tốt	28.19	365
	9. Thư viện đáp ứng đầy đủ về học liệu, được tạo điều kiện trong việc truy cập thông tin học tập.	1. Rất kém	1.54	20
		2. Kém	4.02	52
		3. Bình thường	30.66	397
		4. Tốt	34.83	451
		5. Rất tốt	28.96	375
	10. Thư viện đảm bảo không gian, chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của Sinh viên.	1. Rất kém	1.54	20
		2. Kém	3.47	45
		3. Bình thường	30.66	397
		4. Tốt	34.36	445
		5. Rất tốt	29.96	388
	11. Thời gian mượn và trả sách, tài liệu phù hợp	1. Rất kém	1.54	20
		2. Kém	3.55	46
		3. Bình thường	30.50	395
		4. Tốt	34.83	451
		5. Rất tốt	29.58	383
	12. Phòng máy thực hành đảm bảo đầy đủ điều kiện và trang thiết bị.	1. Rất kém	1.16	15
		2. Kém	4.48	58
		3. Bình thường	30.04	389
4. Tốt		33.98	440	
5. Rất tốt		30.35	393	
<b>Hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên</b>	1. Nghiên cứu khoa học sinh viên là rất quan trọng và cần thiết.	1. Rất kém	1.39	18
		2. Kém	2.93	38
		3. Bình thường	27.95	362
		4. Tốt	36.06	467
		5. Rất tốt	31.66	410
	2. Thông tin nghiên cứu khoa học SV được phổ biến đầy đủ, cập nhật kịp thời tới sinh viên toàn Trường (trực tiếp đến các lớp, trên website của Trường)	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	3.01	39
		3. Bình thường	27.26	353
		4. Tốt	38.46	498
		5. Rất tốt	30.27	392
	3. Nhà trường, các thầy/cô rất quan tâm, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên tiếp cận làm nghiên cứu	1. Rất kém	1.31	17
		2. Kém	2.39	31
		3. Bình thường	27.03	350
		4. Tốt	38.84	503
		5. Rất tốt	30.42	394
	4. Hội nghị khoa học sinh viên hàng năm được tổ chức chu đáo, trang trọng, biểu dương và tôn vinh những sinh viên có thành tích	1. Rất kém	1.31	17
		2. Kém	1.54	20
		3. Bình thường	27.88	361
		4. Tốt	37.22	482

Nhóm câu hỏi	Nội dung câu hỏi	Nội dung trả lời	Tỷ lệ (%)	Total
	cao trong nghiên cứu.	5. Rất tốt	32.05	415
	5. Kết quả nghiên cứu (đề tài) có chất lượng tốt, có tính ứng dụng cao, sáng tạo.	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	2.55	33
		3. Bình thường	28.26	366
		4. Tốt	37.07	480
		5. Rất tốt	31.12	403
	6. Kinh phí cho nghiên cứu đủ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu	1. Rất kém	1.00	13
		2. Kém	3.24	42
		3. Bình thường	29.73	385
		4. Tốt	36.83	477
		5. Rất tốt	29.19	378
	7. Giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu phục vụ giảng dạy (Tài sản trí tuệ) được xuất bản cung cấp kịp thời cho học tập và nghiên cứu	1. Rất kém	1.62	21
		2. Kém	4.48	58
		3. Bình thường	27.41	355
		4. Tốt	38.38	497
		5. Rất tốt	28.11	364

28